

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỤ BẢN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HS-ST

Ngày: 31-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỤ BẢN, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Kim Lệ.

Ông Trần Đình Mạnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản tham gia phiên tòa:**
Ông Vũ Đức Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST - HS ngày 19 tháng 3 năm 2025; đối với các bị cáo:

1. **Vũ Văn S** - Sinh năm: 1995 tại: Nam Định.

Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện tại: Xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Vũ Văn L, sinh năm 1964, con bà: Nguyễn Thị X, sinh năm: 1976, chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang thực hiện biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” và quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 003/QĐ-DTTH ngày 12/11/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V. (Có mặt).

2. **Bùi Đức T** - Sinh năm 1999 tại: Nam Định.

Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện tại: Đội 4, thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Bùi Đức C, sinh năm 1964; con

bà: Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1965; có vợ là Nguyễn Thị G, sinh năm 2000 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 13/01/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam số 2 (Vụ Bản) (Có mặt).

- *Bị hại:* Anh Phan Đức T2 – sinh năm 1972, (đã chết).

Người đại diện theo pháp luật của bị hại:

+ Chị Trần Thị Tuyết N - Sinh năm: 1979, (vợ bị hại). (có mặt).

+ Anh Phan Quốc D, sinh năm 2004 (con đẻ bị hại).

+ Cháu Phan Anh Q, sinh năm 2014 (con đẻ bị hại).

Cùng trú tại: Xóm H, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của anh D và người giám hộ của cháu Q: Chị Trần Thị Tuyết N - Sinh năm: 1979; nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 2000; trú tại: Đ, thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định; (Có mặt).

2. Chị Trần Thị Tuyết N - Sinh năm: 1979; nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. (Có mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ *Người làm chứng:* Chị Phan Thị Vân C1, sinh năm 1981; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn ra tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 18/9/2024 Bùi Đức T không có giấy phép lái xe theo quy định điều khiển xe mô tô BKS 17B2 – 030.15 chở sau là chị Nguyễn Thị G là vợ của T đi từ nhà của mình theo đường tỉnh lộ 485B lên nhà một người bạn ở xã Đ, huyện V. Khi đang lưu thông trên đường T thì xe của T bị hỏng, nên cả hai vợ chồng T xuống dắt bộ xe và quay về nhà. Khi vợ chồng T đang dắt xe mô tô thì gặp anh Phan Đức T2 điều khiển xe mô tô BKS 18F3 – 0130 đi đến. Do có quen biết anh T2 lên T đã nhờ anh T2 giúp mình đẩy xe để về nhà, T đề nghị anh T2 để T điều khiển xe của anh T2, còn anh T2 ngồi sau để T dùng chân trái của mình đẩy xe mô tô của T do chị G ngồi lên để điều khiển đi ra Quốc lộ A để về nhà. Khoảng 21 giờ khi đi đến đoạn km 116+200 Quốc lộ A thuộc địa phận xã T, huyện V; T và chị G điều khiển xe chuyển hướng từ chiều đường bên trái đi sang chiều đường bên phải theo hướng Ninh Bình đi Nam Định. Khi T vừa điều khiển xe mô tô chở sau anh T2 vừa đẩy xe mô tô của chị G đi sang phần đường, chiều đường bên phải, cách lề đường bên phải khoảng 2,5 m thì đúng lúc này Vũ Văn S điều khiển xe mô tô BKS 18C1 – 307.97 đi ở chiều đường bên phải

theo hướng Ninh Bình đi Nam Định đi với tốc độ khoảng 40 km/h (theo lời khai của S) đi tới. Do T vừa điều khiển xe mô tô vừa đẩy xe mô tô do chị G điều khiển, chuyển hướng sang đường không đảm bảo an toàn, không chú ý quan sát và đồng thời S điều khiển xe cũng không chú ý quan sát nên không phát hiện ra tình huống T đẩy xe chuyển hướng sang đường, vì vậy xe mô tô do S điều khiển đã đè lốp xe bánh trước xô vào ống xả (bên phải) xe mô tô do T điều khiển gây ra vụ tai nạn. Hậu quả làm anh T2 bị tử vong, S bị thương tích.

Khám nghiệm hiện trường hướng Ninh Bình đi Nam Định:

Lấy mép đường nhựa bên phải theo chiều từ Ninh Bình – Nam Định làm mép đường chuẩn.

Lấy chân cột Km116+200 cắm trên hàng rào tôn sóng ngoài lề phải làm điểm mốc. Đo từ điểm mốc đến đầu vết cày 1 là 6m.

Các dấu vết cụ thể tại hiện trường như sau:

+ Vết cày 1 đứt đoạn không liên tục làm xước nhựa mặt đường, theo chiều từ Ninh Bình đi Nam Định, vết có KT(10x0,3)m. Đầu vết cày cách mép đường chuẩn là 2,5m. Cuối vết cày trùng với cần gạt chân trống chính bên trái xe mô tô BKS: 18C1-307.97 và cách mép đường chuẩn là 78 cm. Đầu vết cày cách gờ giảm tốc gần nhất là 16,2 m (đo theo chiều Nam Định – Ninh Bình). Đầu vết cày 1 cách đầu vết cày 2 là 2m.

+ Vết cày 2 đứt đoạn không liên tục làm xước nhựa mặt đường theo chiều từ Ninh Bình đi Nam Định, vết có KT(4,6x0,03)m. Đầu vết cày cách mép đường chuẩn là 2,4m, cuối vết cày trùng với đế chân người điều khiển bên phải xe mô tô BKS: 18F3-0130 và cách mép đường chuẩn là 2,1m. Đo từ đầu vết cày 2 đến đầu vết cày 3 là 2,1m.

+ Vết cày 3 đứt đoạn không liên tục là xước nhựa mặt đường theo chiều từ Ninh Bình đi Nam Định, vết có KT(4,8x0,03)m. Đầu vết cày cách mép đường chuẩn là 4,1m; cuối vết cày trùng với đế chân người ngồi sau bên phải xe mô tô BKS: 17B2-030.15 và cách mép đường chuẩn là 3,9m.

+ Xe mô tô BKS: 17F3-0130 bị đổ sang bên phải xe, đầu xe quay hướng Nam Định, đuôi xe quay hướng Ninh Bình. T3 bánh trước cách mép đường chuẩn là 1,9m. T3 bánh sau xe mô tô cách mép đường chuẩn là 2m. T3 bánh sau cách tâm bánh sau xe mô tô BKS: 17B2-030.15 là 2,55m và cách đám máu số 1 là 0,3m.

+ Xe mô tô BKS: 17B2-030.15 bị đổ sang bên phải xe, đầu xe quay hướng Nam Định, đuôi xe quay hướng Ninh Bình. T3 bánh trước cách mép đường

chuẩn là 4m, tâm bánh sau cách mép đường chuẩn là 3,9m. T3 bánh sau cách tâm đám máu số 2 là 0,4m và cách tâm bánh sau xe mô tô BKS: 18C1-307.97 là 3,2m.

+ Xe mô tô BKS: 18C1-307.97 bị đổ sang bên trái xe, đầu xe quay hướng Nam Định, đuôi xe quay hướng Ninh Bình. T3 bánh trước cách mép đường chuẩn là 0,65m. T3 bánh sau cách mép đường chuẩn là 0,8m.

+ Đám máu số 1 có KT(0,2x0,3)m nằm ở phía sau đuôi xe mô tô BKS: 18F3-0130 là đám máu dạng nhỏ giọt không rõ hình. T3 đám máu cách mép đường chuẩn là 1,9m.

+ Đám máu số 2 có KT(0,2x0,2)m không rõ hình nằm ở phía sau đuôi xe mô tô BKS: 17B2-030.15. T3 đám máu cách mép đường chuẩn là 3,95m.

Ngoài ra không phát hiện dấu vết nào khác.

Khám nghiệm tử thi nạn nhân Phan Đức T2:

Mặt trước vai phải bầm tím, kích thước (4x3) cm. Mặt ngoài khuỷu tay phải trợt da, kích thước (2x0,5) cm. Mặt sau 1/3 giữa cẳng tay phải trợt da, kích thước (4x1) cm. Vùng chằm dập rách da cơ tụ máu, kích thước (5x5) cm. Tụ máu dưới da cơ vùng chằm trên diện, kích thước (10x7) cm. Vỡ nứt xương hộp sọ vùng chằm hình chữ T, cạnh 1 dài 7 cm, cạnh 2 dài 3 cm. Qua đường vỡ có nhiều nước máu không đông chảy ra.

- Tại bản Kết luận giám định pháp y tử thi số 1614 ngày 30/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh N, kết luận: Nạn nhân Phan Đức T2 chết do chấn thương vỡ xương hộp sọ, chảy máu nội sọ. Cơ chế: Do va đập và trà sát.

- Ngày 01/10/2024, Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh N có các bản kết luận số 148, 149, 150, 151, kết luận.

+ Mẫu máu của Phan Đức T2 nồng độ cồn (ethanol) trong máu C = 0,00 mg/100 ml.

+ Mẫu máu của Phan Đức T2 tìm thấy A, M trong máu.

+ Mẫu máu của Bùi Đức T nồng độ cồn (ethanol) trong máu: C = 0,00 mg/100ml.

+ Mẫu máu của Bùi Đức T tìm thấy A, M trong máu.

- Ngày 20/10/2024, Phòng K Công an tỉnh N có bản kết luận số 1773, kết luận:

+ Xe mô tô BKS 18C1 – 307.97 va chạm với xe mô tô BKS 18F3 – 0130. Vị trí va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện là lốp trước bên chân chống phụ

(bên trái) xe mô tô BKS 18C1 – 307.97 với ống xả bên tay ga (bên phải) xe mô tô BKS 18F3 – 0130.

+ Xe mô tô BKS 17B2 – 030.15 không va chạm với xe mô tô BKS 18C1 – 307.97 và xe mô tô BKS 18F3 – 0130.

+ Căn cứ vào các dấu vết, vật chứng để lại trong hồ sơ gửi giám định thì vị trí va chạm đầu tiên trên mặt đường tại hiện trường giữ xe mô tô BKS 18C1 – 307.97 với xe mô tô BKS 18F3 – 0130 tại phía trước điểm đầu dấu vết cày đánh số 1 thuộc phần đường bên phải theo chiều từ Ninh Bình đi Nam Định.

- Ngày 28/10/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V có bản kết luận số 21, kết luận.

+ Giá trị thiệt hại của xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo SX, BKS 17B2 – 030.15 là 1.380.000 đồng.

+ Giá trị thiệt hại của xe mô tô nhãn hiệu H, BKS 18C1 – 307.97 là 2.260.000 đồng.

+ Giá trị thiệt hại của xe mô tô nhãn hiệu Angel, BKS 18F3 - 0130 là 1.970.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự trong vụ án: Chị N yêu cầu bị cáo S và bị cáo T phải bồi thường số tiền 200.000.000 đồng. Bị cáo S tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 150.000.000 đồng, gia đình bị cáo T tự nguyện bồi thường 15.000.000 đồng, số tiền còn lại 35.000.000 đồng bị cáo T tự nguyện bồi thường tiếp cho chị N. Đối với chiếc xe mô tô BKS 18F3 – 0130 chị N cũng không cần phải bồi thường mà chị sẽ tự sửa chữa.

Về việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã thu giữ:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu bạc tím, BKS 17B2 – 303.15.

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 0110820, tên chủ xe Lại Văn N1, biển số đăng ký: 17B2 – 303.15.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu ENGEL, màu xanh BKS 18F3 - 0130.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu AIR BLADE, màu đen đỏ, BKS 18C1 – 307.97.

+ 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 025772, tên chủ xe Vũ Văn S, biển số đăng ký 18C1 – 307.97.

+ 01 giấy phép lái xe hạng A1, số C, họ tên Vũ Văn S.

Tại cơ quan điều tra, Vũ Văn S và Bùi Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKSVB ngày 10/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Vũ Văn S về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự; Bùi Đức T về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên các bị cáo trình bày toàn bộ nội dung vụ án như đã nêu ở trên. Các bị cáo ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản thực hành quyền công tố, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về điều luật: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 điều 51; khoản 2 điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Văn S. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 điều 51; khoản 2 điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Đức T.

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn S, Bùi Đức T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Về hình phạt:

+ Xử phạt bị cáo Vũ Văn S từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định giám sát và giáo dục.

+ Xử phạt bị cáo Bùi Đức T từ 39 tháng đến 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2025.

Miễn hình phạt bổ sung; Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo; miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo S.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền còn lại 35.000.000 đồng bị cáo T tự nguyện bồi thường cho đại diện gia đình bị hại do đó đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho chị G: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu bạc tím, BKS 17B2 – 303.15; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 0110820, tên chủ xe Lại Văn N1, biển số đăng ký: 17B2 – 303.15.

- Trả lại cho chị N: 01 xe mô tô nhãn hiệu ENGEL, màu xanh BKS 18F3 – 0130.

- Trả lại cho Vũ Văn S: 01 giấy phép lái xe hạng A1, số C, họ tên Vũ Văn S; 01 xe mô tô nhãn hiệu AIR BLADE, màu đen đỏ, BKS 18C1 – 307.97; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 025772, tên chủ xe Vũ Văn S, biển số đăng ký 18C1 – 307.97.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người làm chứng đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên họ đã có đầy đủ lời khai tại cơ quan điều tra, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[3] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của các bị cáo: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường; Kết luận giám định tử thi; Kết luận độc tố; Lời khai của bị cáo; Lời khai của đại diện bị hại và những người làm chứng tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 21 giờ ngày 18/9/2024 tại km 116+200 Quốc lộ A thuộc địa bàn xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; Vũ Văn S điều khiển xe mô tô BKS 18C1 – 307.97 không chú ý quan sát, không giảm tốc độ đã để lốp xe bánh trước xe mô tô do bị cáo điều khiển xô vào ống xả bên phải xe mô tô BKS 18F3 – 0130 do Bùi Đức T điều khiển khi không có giấy phép lái xe và có sử dụng chất ma túy chớ sau là anh Phan Đức T2 và đang dùng chân trái để đẩy xe mô tô BKS 17B2 – 030.15 do chị Nguyễn Thị G điều khiển sang đường. Hậu quả anh Phan Đức T2 bị tử vong. Hành vi không chú ý quan sát, không giảm tốc độ của Vũ Văn S đã vi phạm khoản 1 điều 11, khoản 1 điều 12 Luật giao thông đường bộ; hành vi không có giấy phép lái xe mà tham gia giao thông đường bộ và trong khi tham gia giao thông có sử dụng chất kích thích của Bùi Đức T đã vi phạm khoản 7, khoản 9 điều 8; khoản 2 điều 15; điểm d khoản 3 điều 30 Luật giao thông đường bộ.

Như vậy hành vi của Vũ Văn S đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm a khoản 1 điều 260 Bộ luật Hình sự; Hành vi của Bùi Đức T đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 điều 260 Bộ luật Hình sự. .

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản truy tố và luận tội hành vi của bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự đối với Vũ Văn S và hành vi của bị cáo T về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự đối với Bùi Đức T là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn giao thông tại địa phương do đó cần phải có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo S đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại, bị cáo T có tác động cùng gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình bị hại do đó bị cáo S và bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của các bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét thấy: Đối với bị cáo S có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ do đó không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mà áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Đối với bị cáo T không có giấy phép lái xe, tham gia giao thông khi có sử dụng chất kích thích do đó cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương do đó miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo S và miễn hình phạt bổ sung cho cả 02 bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo S đã bồi thường cho gia đình chị N số tiền 150.000.000 đồng; bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. Chị N yêu cầu bị cáo T phải bồi thường tiếp số tiền 35.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo T và chị N cùng thỏa thuận bị cáo T nhất trí tự nguyện bồi thường số tiền 35.000.000 đồng cho chị N do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo T và chị N.

[9] Về xử lý vật chứng: Tại phiên tòa chị N và chị G đều trình bày xe mô tô là tài sản chung của vợ chồng các chị mua để làm phương tiện đi lại, chị N, chị G đều có nguyện vọng xin lại xe. Xe mô tô và các giấy tờ xe của S xác định là tài sản S mua để đi lại, việc gây ra tai nạn là ngoài ý muốn của S, tại phiên tòa S cũng có nguyện vọng xin lại xe để có phương tiện đi lại do đó căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Trả lại cho chị G:

- + 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu bạc tím, BKS 17B2 – 303.15.

- + 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 0110820, tên chủ xe Lại Văn N1, biển số đăng ký: 17B2 – 303.15.

- Trả lại cho chị N: 01 xe mô tô nhãn hiệu ENGEL, màu xanh BKS 18F3 - 0130.

- Trả lại cho S:

- + 01 xe mô tô nhãn hiệu AIR BLADE, màu đen đỏ, BKS 18C1 – 307.97.

- + 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 025772, tên chủ xe Vũ Văn S, biển số đăng ký 18C1 – 307.97.

- + 01 giấy phép lái xe hạng A1, số C, họ tên Vũ Văn S.

[10] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Phan Thị Vân C1 xác định đã cho chiếc xe mô tô BKS 18F3-0130 cho T2 từ khoảng năm 2013, chị xác định chiếc xe máy này là của T2 và không có ý kiến gì về chiếc xe mô tô do đó không xác định chị Phan Thị Vân C1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

* Đối với chị Nguyễn Thị G là người ngồi điều khiển xe mô tô BKS 17B2 – 030.15 để cho T đẩy xe tham gia giao thông. Việc xảy ra vụ tai nạn là do lỗi của T và S vì chỉ hai xe mô tô do T và S va chạm với nhau dẫn đến hậu quả anh

Phan Văn T4 bị tử vong. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V không xem xét trách nhiệm hình sự đối với chị G là phù hợp.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo S, T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo T phải nộp án phí dân sự trong hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Vũ Văn S phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn S 12 (*mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh N nhận được quyết định thi hành bản án và bản án của Tòa án.

Bị cáo Vũ Văn S phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Vũ Văn S cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Vũ Văn S.

2. Căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Bùi Đức T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Xử phạt bị cáo Bùi Đức T 41 (*bốn mươi mốt*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2025.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 591, 593 của Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo T và chị N: Bị cáo T tiếp tục bồi thường cho chị N số tiền 35.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho chị G:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu bạc tím, BKS 17B2 – 303.15.

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 0110820, tên chủ xe Lại Văn N1, biển số đăng ký: 17B2 – 303.15.

- Trả lại cho chị N: 01 xe mô tô nhãn hiệu ENGEL, màu xanh BKS 18F3 - 0130.

- Trả lại cho Vũ Văn S:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu AIR BLADE, màu đen đỏ, BKS 18C1 – 307.97.

+ 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 025772, tên chủ xe Vũ Văn S, biển số đăng ký 18C1 – 307.97.

+ 01 giấy phép lái xe hạng A1, số C, họ tên Vũ Văn S.

3. Án phí sơ thẩm:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo S, T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự trong hình sự: Bị cáo Bùi Đức T phải nộp 1.750.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. (Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo về những vấn đề có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người đại diện HP của bị hại.
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- CQ THAHS Công an tỉnh ND;
- Chi cục THADS huyện Vụ Bản;
- Sở tư pháp tỉnh Nam Định;
- Phòng PC 06; PV 10 Công an tỉnh Nam Định;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Gấm

- UBND xã Thành Lợi, Vụ Bản;
- UBND xã Liên Minh, Vụ Bản;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.